

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

có tổ chức hòa giải, khuyên bảo nhưng anh S vẫn chứng nào tật đó dẫn đến vợ chồng chị đã chấm dứt toàn bộ quan hệ tình cảm. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Đình S.

Về con chung: Do các con đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Bùi Đình S là bị đơn trình bày trong biên bản lấy lời khai: anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H năm 1992, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng anh chung sống tại thôn Muối, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm nay, đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, không bảo vệ nhau, việc của ai người đó làm. Hiện vợ chồng anh vẫn sống chung nhà và sinh hoạt chung nhưng vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ khi mâu thuẫn cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên việc chị H làm đơn đề nghị Tòa án cho ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Do các con đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa hôm nay anh vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 Điều 147, điều 227; Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Bùi Đình S.

Về án phí, quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của KSV, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, anh S vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX căn cứ vào Điều 227; Điều 228 đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung vụ án*: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Bùi Đình S năm 1992, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Cưới xong vợ chồng chị H về chung sống tại thôn Muối, xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng không quan tâm đến nhau, không bảo vệ nhau, việc của ai người đó làm, vợ chồng cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ khi xảy ra mâu thuẫn. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Đình S. Phía anh S không đồng ý ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Tuy nhiên quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị H và anh S đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa chị H và anh S đã không còn, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị H được ly hôn với anh S. Xét như vậy là phù hợp với Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] *Về con chung, tài sản, công nợ*: Cả chị H và anh S không đề nghị giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục THA Dân sự huyện Lục Nam.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Đình S được ly hôn.

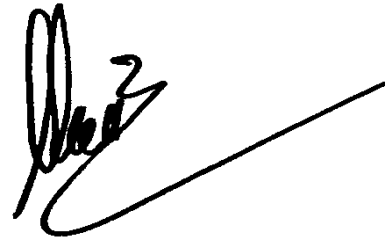
Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục THA Dân sự huyện Lục Nam theo biên lai thu số 0013502 ngày 01/01/2022. Chị H đã nộp đủ.

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Hoàng Văn Toàn